TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HS - ST
Ngày 09/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảy.
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2026/TLST - HS ngày 19 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Ngọc T - Sinh ngày: 28/7/1983.

Nơi sinh: tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long).

Nơi cư trú: 7 ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là 78/34 ấp B, xã V, tỉnh Vĩnh Long).

Nghề nghiệp: Làm vườn.

Trình độ học vấn: 05/12.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị H.

Bị cáo chung sống như vợ chồng với bà Lê Thị Trúc M (hiện tại không còn sống chung), có 01 người con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 20/03/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (cũ), xử phạt 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", đã chấp hành xong bản án ngày 23/01/2004 và được xóa án tích.

Ngày 23/02/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (cũ) xử phạt 02 năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*", đã chấp hành xong bản án ngày 23/07/2011 và được xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Ông Lê Ngọc H1 - Sinh năm: 1972; nơi cư trú: 796/34 ấp B, xã V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

* *Người làm chứng:* Anh Lê Công B - Sinh năm: 1997; nơi cư trú: ấp B, xã V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 16/05/2025, sau khi uống rượu, Lê Ngọc T đến nhà của anh ruột là Lê Ngọc H1 chơi thì xảy ra mâu thuẫn, cự cải, thách thức dẫn đến cả hai đánh nhau bằng tay và được mọi người can ngăn (lúc này không ai bị thương tích).

Khi ra về T tiếp tục thách thức đánh nhau với ông H1. Lúc này ông H1 lấy 01 cây cuốc cầm trên tay để đi đến đánh nhau với T. T về nhà của mình ở gần đó (cách đó khoản 30m - 40m) lấy 01 khúc gỗ còn rắn chắc quay trở lại để đánh nhau với ông H1.

Khi ra đến trước cửa (cổng) rào lưới B40 của nhà mình, T nhìn thấy ông H1 vẫn còn đang cầm cây cuốc trên tay, đi về hướng của mình và cách khoảng 06 mét thì T cầm khúc gỗ ném (chọi) vào người của ông H1 gây thương tích rồi bỏ đi vào nhà.

Ông H1 được mọi người đưa đến Phòng khám khu vực V và được chuyển đến Bệnh viện N điều trị thương tích.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 164-25/KLTTCT-TTPYBT ngày 30/06/2025 của Trung Tâm pháp y tỉnh B kết luận thương tích của ông H1 như sau:

Sẹo đuôi mày phải; Sẹo mi dưới phải; Dập não; Máu tụ ngoài màng cứng; Gãy lún xương trán; Gãy cung gò má phải; Vỡ thành ngoài hốc mắt phải; Vỡ xoang hàm phải; Gãy xương mũi, vách ngăn mũi; Mắt phải tổn thương thần kinh thị, sáng tối và kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Ngọc H1 tại thời điểm giám định là: 65%.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT - VKSKV6 ngày 19/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đã quyết định truy tố bị cáo Lê Ngọc T về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm d khoản 4 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T phạm tội "*Cố ý gây thương tích*". Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại thống nhất bồi thường chi phí điều trị thương tích, mất thu nhập và tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 20.000.000đồng; bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì khác.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy:

- 01 khúc gỗ hình trụ chữ nhật, không xác định loại gỗ, cân nặng 1,15kg, chiều dài 73,5cm, chiều rộng 3,6cm, chiều ngang 5,5cm, trên thân khúc gỗ có nhiều vết nứt không rõ hình.

- 01 cây cuốc, cán bằng gỗ, hình trụ dài 126cm, không xác định loại gỗ, đầu cán cuốc có kích thước (2,7 x 4,3)cm, đuôi cán cuốc có kích thước (5,5 x 5cm); lưỡi bằng kim loại, nơi rộng nhất lưỡi cuốc 16cm, dài 17,5cm do bị hại không yêu cầu nhận lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các hành vi, quyết định này. Do vậy, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra đã làm việc với những người này. Lời khai của họ phù hợp với lời khai của bị cáo, không có sự mâu thuẫn gì trong lời khai, nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, việc xét xử vắng mặt người làm chứng là phù hợp với quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 20 giờ ngày 16/05/2025, sau khi có uống rượu, giữa bị cáo và bị hại là ông Lê Ngọc H1 có cãi nhau. Khi thấy ông H1 cầm cuốc đi về hường bị cáo thì bị cáo về nhà lấy 01 khúc gỗ hình trụ chữ nhật, không xác định loại gỗ, cân nặng 1,15kg, chiều dài 73,5cm, chiều rộng 3,6cm, chiều ngang 5,5cm, trên thân khúc gỗ có nhiều vết nứt không rõ hình ném (chọi) về phía ông H1, làm ông H1 bị chấn thương vùng đầu, mặt, mắt với tỷ lệ thương tật là 65%.

Cơ chế hình thành vết thương của ông H1 là do vật tày (khúc gỗ gây ra). Bị cáo cũng thừa nhận thương tích bị hại là do khúc gỗ gây ra.

Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2006/NQ - HĐTP và Nghị quyết số 02/2003/NQ - HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì khúc gỗ mà bị cáo dùng gây thương tích cho bị hại là hung khí nguy hiểm.

[3] Xét thấy, giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn, bản thân bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và nhằm mục đích xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe của người khác, đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự. Do vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long truy tố bị cáo về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm d khoản 4 (điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Việc truy tố bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe của bị hại mà còn gây mất an ninh, tật tự nơi bị cáo gây án. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm thì mới răn đe, giáo dục, cải tạo được bị cáo và góp phần ngăn ngừa loại tội phạm này về sau.

Do đó cần phải có hình phạt thích đáng đối với bị cáo bằng hình thức cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Trong lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 20.000.000đồng, phía bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại thống nhất bồi thường chi phí điều trị thương tích, mất thu nhập và tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 20.000.000đồng; bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường không yêu cầu gì khác.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng của vụ án gồm:

01 khúc gỗ hình trụ chữ nhật, không xác định loại gỗ, cân nặng 1,15kg, chiều dài 73,5cm, chiều rộng 3,6cm, chiều ngang 5,5cm, trên thân khúc gỗ có nhiều vết nứt không rõ hình đây là công cụ phạm tội nhưng do không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 cây cuốc, cán bằng gỗ, hình trụ dài 126cm, không xác định loại gỗ, đầu cán cuốc có kích thước (2,7 x 4,3)cm, đuôi cán cuốc có kích thước (5,5 x 5cm); lưỡi bằng kim loại, nơi rộng nhất lưỡi cuốc 16cm, dài 17,5cm. Đây là tài sản của bị hại nhưng do bị hại không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Căn cứ điểm d khoản 4 (điểm a khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. ***Về trách nhiệm dân sự:*** Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng). Bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

3. ***Về xử lý vật chứng:*** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

01 khúc gỗ hình trụ chữ nhật, không xác định loại gỗ, cân nặng 1,15kg, chiều dài 73,5cm, chiều rộng 3,6cm, chiều ngang 5,5cm, trên thân khúc gỗ có nhiều vết nứt không rõ hình.

01 cây cuốc, cán bằng gỗ, hình trụ dài 126cm, không xác định loại gỗ, đầu cán cuốc có kích thước (2,7 x 4,3)cm, đuôi cán cuốc có kích thước (5,5 x 5cm); lưỡi bằng kim loại, nơi rộng nhất lưỡi cuốc 16cm, dài 17,5cm.

Vật chứng trên đã được chuyển cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Vĩnh Long theo biên bản bàn giao ngày 22/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh V và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Vĩnh Long.

4. Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật tố dụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Những người TGTT;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hsva, THAHS, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Tú